

QUYẾT ĐỊNH

Công bố thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực Nông nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 2236/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này **12 (Mười hai)** thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực Nông nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, cụ thể như sau:

1. Cấp tỉnh: 08 (Tám) thủ tục hành chính nội bộ;
2. Cấp huyện: 03 (Ba) thủ tục hành chính nội bộ;
3. Cấp xã: 01 (Một) thủ tục hành chính nội bộ.

(Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP. Ủy ban nhân dân tỉnh;
- TTPVHCC, P.KT-NV;
- Lưu: VT, 06.PVHCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thẩm quyền giải quyết	Văn bản quy định thủ tục hành chính nội bộ
	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP		
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP TỈNH		
1	Quyết định việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn vượt quá khả năng của cấp huyện	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Luật Thú y năm 2015; - Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.
2	Công bố dịch bệnh động vật thủy sản	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Luật Thú y năm 2015; - Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản; - Thông tư số 12/2024/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản; - Văn bản hợp nhất số 30/VBHN-BNNPTNT ngày 18/11/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản; - Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thẩm quyền giải quyết	Văn bản quy định thủ tục hành chính nội bộ
			quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.
3	Công bố hết dịch bệnh động vật thủy sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	- Luật Thú y năm 2015; - Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản; - Thông tư số 12/2024/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản; - Văn bản hợp nhất số 30/VBHN-BNNPTNT ngày 18/11/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản; - Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.
4	Phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản của địa phương	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản; - Thông tư số 12/2024/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thẩm quyền giải quyết	Văn bản quy định thủ tục hành chính nội bộ
			Phát triển nông thôn về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản; - Văn bản hợp nhất số 30/VBHN-BNNPTNT ngày 18/11/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản; - Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.
5	Phê duyệt kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản; - Thông tư số 12/2024/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản; - Văn bản hợp nhất số 30/VBHN-BNNPTNT ngày 18/11/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản;

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thẩm quyền giải quyết	Văn bản quy định thủ tục hành chính nội bộ
			- Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.
6	Thu hồi bằng Công nhận nghề truyền thống	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển nghề nông thôn; - Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.
7	Thu hồi bằng Công nhận làng nghề	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển nghề nông thôn; - Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.
8	Thu hồi bằng Công nhận làng nghề truyền thống	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển nghề nông thôn; - Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.
II	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP HUYỆN		
1	Quyết định việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn vượt quá	Ủy ban nhân dân cấp huyện	- Luật Thú y năm 2015.

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thẩm quyền giải quyết	Văn bản quy định thủ tục hành chính nội bộ
	khả năng của cấp xã		
2	Công bố dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra trong phạm vi huyện	Ủy ban nhân dân cấp huyện	- Luật Thú y năm 2015; - Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn; Thông tư số 24/2019/TT-BNNPTNT và Thông tư số 09/2021/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT.
3	Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra trong phạm vi huyện	Ủy ban nhân dân cấp huyện	- Luật Thú y năm 2015; - Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.
III	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP XÃ		
1	Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn xã	Ủy ban nhân dân cấp xã	Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết về đất trồng lúa.

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP TỈNH

1. Quyết định việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn vượt quá khả năng của cấp huyện

1.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

- Bước 2: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn vượt quá khả năng của địa phương.

1.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

1.3. Thành phần, Số lượng hồ sơ: Không quy định.

1.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

1.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không quy định

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Thú y năm 2015;

- Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.

2. Công bố dịch bệnh động vật thủy sản

2.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố dịch bệnh động vật.

- Bước 2: Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị công bố dịch bệnh động vật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công bố dịch khi có đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thú y.

2.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

Văn bản đề nghị công bố dịch bệnh động vật của Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh.

b) Số lượng hồ sơ: Không quy định.

2.4. Thời hạn giải quyết: 24 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị công bố dịch bệnh động vật.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công bố dịch bệnh động vật thủy sản.

2.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Công bố dịch bệnh động vật thủy sản khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có ổ dịch bệnh động vật thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch xảy ra và có chiều hướng lây lan nhanh trên diện rộng hoặc phát hiện tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới;

- Có kết luận chẩn đoán xác định là bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch hoặc tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới của cơ quan có thẩm quyền chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật;

- Có văn bản đề nghị công bố dịch của Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Thú y năm 2015;

- Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản;

- Thông tư số 12/2024/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản;

- Văn bản hợp nhất số 30/VBHN-BNNPTNT ngày 18/11/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản;

- Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.

3. Công bố hết dịch bệnh động vật thủy sản

3.1. Trình tự thực hiện

- **Bước 1:** Sau ít nhất 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày xử lý xong ổ dịch cuối cùng mà không phát sinh ổ dịch mới và đã thực hiện các biện pháp quy định tại điểm b, c Khoản 1 Điều 36 của Luật Thú y, Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh có báo cáo bằng văn bản và đề nghị Cục Thú y thẩm định Điều kiện công bố hết dịch.

- **Bước 2:** Cục Thú y trực tiếp hoặc ủy quyền cho Cơ quan Thú y vùng tổ chức thẩm định Điều kiện công bố hết dịch trong thời gian không quá 48 giờ đối với các xã thuộc vùng đồng bằng hoặc 72 giờ đối với các xã thuộc vùng sâu, vùng xa kể từ khi nhận được văn bản đề nghị của Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh.

- **Bước 3:** Ngay sau khi hoàn thành việc thẩm định Điều kiện công bố hết dịch, Cục Thú y hoặc Cơ quan Thú y được ủy quyền có văn bản trả lời Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh để tổng hợp báo cáo và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công bố hết dịch theo quy định tại Khoản 1 Điều 36 của Luật thú y; trường hợp Điều kiện công bố hết dịch chưa bảo đảm, Cục Thú y hoặc Cơ quan Thú y được ủy quyền hướng dẫn Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh thực hiện các biện pháp cần thiết đáp ứng Điều kiện công bố hết dịch.

3.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh gửi Cục Thú y thẩm định: Văn bản đề nghị thẩm định Điều kiện công bố hết dịch.

- Hồ sơ Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh đề nghị Chủ tịch UBND cấp tỉnh công bố hết dịch:

+ Văn bản trả lời của Cục Thú y;

+ Tổng hợp báo cáo thẩm định Điều kiện công bố hết dịch.

b) Số lượng hồ sơ: Không quy định.

3.4. Thời hạn giải quyết: Thẩm định Điều kiện công bố hết dịch trong vòng 48 giờ đối với các xã thuộc vùng đồng bằng hoặc 72 giờ đối với các xã thuộc vùng sâu, vùng xa kể từ khi nhận được văn bản đề nghị của Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Chăn nuôi Thú y và Thủy sản.

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Người có thẩm quyền quyết định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan phối hợp, thẩm định: Cục Thú y.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:. Công bố dịch bệnh động vật thủy sản

3.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Điều kiện để công bố hết dịch bệnh động vật bao gồm:

- Không phát sinh ổ dịch bệnh động vật mới kể từ khi ổ dịch bệnh động vật cuối cùng được xử lý theo quy định đối với từng bệnh;

- Đã áp dụng các biện pháp phòng bệnh bắt buộc cho động vật mắc cảm với bệnh dịch bệnh động vật trong vùng có dịch;

- Đã thực hiện các biện pháp vệ sinh, khử trùng, tiêu độc bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y đối với vùng có dịch;

- Có văn bản đề nghị công bố hết dịch bệnh động vật của Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh và được Cục Thú y thẩm định, công nhận.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Thú y năm 2015;

- Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản;

- Thông tư số 12/2024/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản;

- Văn bản hợp nhất số 30/VBHN-BNNPTNT ngày 18/11/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản;

- Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.

4. Phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản của địa phương

4.1. Trình tự thực hiện

- **Bước 1:** Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, điều chỉnh Kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản của địa phương, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- **Bước 2:** Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, điều chỉnh và bố trí kinh phí triển khai thực hiện

- **Bước 3:** Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh gửi Kế hoạch đã được phê duyệt, điều chỉnh đến Cơ quan Thú y vùng và Cục Thú y để phối hợp chỉ đạo, hướng dẫn và giám sát thực hiện.

4.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

4.3. Thành phần, Số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ: Kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản của địa phương

b) Số lượng hồ sơ: Không quy định.

4.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường

4.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt kế hoạch, điều chỉnh kế hoạch.

4.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Thủy sản năm 2017;

- Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản;

- Thông tư số 12/2024/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản;

- Văn bản hợp nhất số 30/VBHN-BNNPTNT ngày 18/11/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản;

- Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.

5. Phê duyệt Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản

5.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Xây dựng kế hoạch

Hàng năm, Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản và báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Bước 2: Trình phê duyệt kế hoạch

Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Kế hoạch và dự toán kinh phí trước ngày 30/11 hằng năm.

- Bước 3: Gửi kế hoạch đã được phê duyệt đến Cơ quan Thú y vùng và Cục Thú y để phối hợp chỉ đạo, hướng dẫn và giám sát thực hiện.

5.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

5.3. Thành phần, Số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ: Dự thảo kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản.

b) Số lượng hồ sơ: Không quy định.

5.4. Thời hạn giải quyết: Trước ngày 30/11 hằng năm.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Chăn nuôi Thú y và Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Môi trường.

5.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản.

5.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản;

- Thông tư số 12/2024/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản;

- Văn bản hợp nhất số 30/VBHN-BNNPTNT ngày 18/11/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản;

- Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.

6. Thu hồi bằng công nhận Nghề truyền thống

6.1 Trình tự thực hiện

- **Bước 1:** UBND huyện, thị xã, thành phố tổng hợp danh sách và có văn bản đề nghị thu hồi bằng công nhận “Nghề Truyền thống”, kèm theo hồ sơ gửi về UBND tỉnh thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Phát triển nông thôn) tiếp nhận hồ sơ đề nghị thu hồi từ cấp huyện; kiểm tra thể thức, thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ (nếu cần).

- **Bước 2:** Đoàn công tác kiểm tra liên ngành đi kiểm tra thực tế tại địa phương có “Nghề Truyền thống” và đánh giá thực trạng trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ của UBND cấp huyện (Đoàn công tác kiểm tra liên ngành do Sở Nông nghiệp và Môi trường thành lập).

- **Bước 3:** Sở Nông nghiệp và Môi trường căn cứ biên bản làm việc tại địa phương có “Nghề truyền thống” và đối chiếu với các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP của Chính phủ, xây dựng Tờ trình đề nghị thu hồi và dự thảo Quyết định thu hồi bằng công nhận “Nghề truyền thống” trình UBND tỉnh trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày đoàn kiểm tra liên ngành đi kiểm tra.

- **Bước 4:** Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh ban hành Quyết định thu hồi bằng công nhận danh hiệu “Nghề truyền thống”.

6.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: do UBND cấp huyện chuẩn bị, bao gồm:

a) Thành phần hồ sơ:

- Báo cáo tình hình hoạt động của Nghề truyền thống đề nghị thu hồi của phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện, thị xã, thành phố (bản chính, theo Mẫu số 01);

- Tờ trình đề nghị thu hồi của UBND huyện, thị xã, thành phố (bản chính, theo Mẫu số 02).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện.

6.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định về việc thu hồi bằng công nhận danh hiệu “Nghề truyền thống”.

6.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Báo cáo tình hình hoạt động của Nghề truyền thống đề nghị thu hồi của phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện, thị xã, thành phố (bản chính, theo Mẫu số 01);

- Tờ trình đề nghị thu hồi của UBND quận, huyện, thị xã (bản chính, theo Mẫu số 02);

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Nghề truyền thống không đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ, cụ thể:

- Nghề truyền thống không phát triển tính đến thời điểm hiện tại;
- Nghề hiện nay không còn tạo ra những sản phẩm mang bản sắc văn hóa dân tộc.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị định 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

- Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.

Mẫu số 01

UBND HUYỆN.....
PHÒNG NÔNG NGHIỆP.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC-....

....., ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO
Tình hình hoạt động của
Nghề truyền thống..... xã, huyện/thị xã/TP

Căn cứ Nghị định 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện báo cáo tình hình hoạt động của Nghề truyền thống..... xã , cụ thể như sau:

1. Thông tin chung về Nghề truyền thống.....

- Năm công nhận:
- Nghề tạo ra những sản phẩm mang bản sắc văn hóa dân tộc:
- Nghề gắn với tên tuổi của một hay nhiều nghệ nhân hoặc tên tuổi của làng nghề:
- Hiện trạng phát triển tính đến thời điểm hiện tại:

2. Tình hình hoạt động và Phát triển của nghề truyền thống

- Thực trạng
- Khó khăn:.....

3. Đề xuất, Kiến nghị

Trên đây là báo cáo.....

Nơi nhận:

-;
-;
- Lưu: VT,

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/TTr-UBND

....., ngày tháng năm 20....

TỜ TRÌNH
Về việc thu hồi Quyết định công nhận nghề truyền thống

Kính gửi:

- UBND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Báo cáo số..... ngày.... tháng ... năm 2024 của Phòng nông nghiệp về báo cáo tình hình hoạt động của Nghề truyền thống

Ủy ban nhân dân huyện..... đề nghị như sau:

I. Tóm tắt tình hình hoạt động kinh doanh của nghề truyền thống

- Năm công nhận:
- Nghề tạo ra những sản phẩm mang bản sắc văn hóa dân tộc:
- Nghề gắn với tên tuổi của một hay nhiều nghệ nhân hoặc tên tuổi của làng nghề:
- Hiện trạng phát triển tính đến thời điểm hiện tại:

II. Thực trạng

III. Kiến nghị, đề xuất

Hiện nay tình hình hoạt động của.....; Căn cứ tiêu chí quy định tại khoản.....Điều 5, Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ “.....” không đạt theo tiêu chí quy định

UBND huyện.....kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định thu hồi bằng công nhận “.....” theo quy định

Trên đây là tờ trình về việc thu hồi.....của Ủy ban nhân dân huyện...../.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Kinh tế huyện;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

7. Tên thủ tục hành chính: Thu hồi bằng công nhận Làng nghề

7.1 Trình tự thực hiện

- **Bước 1:** UBND huyện, thị xã, thành phố tổng hợp danh sách và có văn bản đề nghị thu hồi bằng công nhận “Làng nghề”, kèm theo hồ sơ gửi về UBND tỉnh thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Phát triển nông thôn) tiếp nhận hồ sơ đề nghị thu hồi từ cấp huyện; kiểm tra thể thức, thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ (nếu cần).

- **Bước 2:** Đoàn công tác kiểm tra liên ngành đi kiểm tra thực tế tại địa phương có “Làng nghề” và đánh giá thực trạng trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ của UBND cấp huyện (*Đoàn công tác kiểm tra liên ngành do Sở Nông nghiệp và Môi trường thành lập*).

- **Bước 3:** Sở Nông nghiệp và Môi trường căn cứ biên bản làm việc tại địa phương có “Làng nghề” và đối chiếu với các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP của Chính phủ, xây dựng Tờ trình đề nghị thu hồi và dự thảo Quyết định thu hồi bằng công nhận “Làng nghề” trình UBND tỉnh trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày đoàn kiểm tra liên ngành đi kiểm tra.

- **Bước 4:** Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh ban hành Quyết định thu hồi bằng công nhận danh hiệu “Làng nghề”.

7.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: do UBND cấp huyện chuẩn bị, bao gồm:

a) Thành phần hồ sơ:

- Báo cáo tình hình hoạt động của Làng nghề đề nghị thu hồi của phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện, thị xã, thành phố (bản chính, theo Mẫu số 01);

- Tờ trình đề nghị thu hồi của UBND huyện, thị xã, thành phố (bản chính, theo Mẫu số 02);

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

7.4. Thời hạn giải quyết: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện.

7.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

7.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định về việc thu hồi bằng công nhận danh hiệu “Làng nghề”

7.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Báo cáo tình hình hoạt động của Làng nghề đề nghị thu hồi của Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện, thị xã, thành phố (bản chính, theo Mẫu số 01);

- Tờ trình đề nghị thu hồi của UBND quận, huyện, thị xã (bản chính, theo Mẫu số 02).

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Làng nghề không đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ, cụ thể:

- Không có tối thiểu 20% tổng số hộ trên địa bàn tham gia một trong các hoạt động hoặc các hoạt động ngành nghề nông thôn quy định tại Điều 3 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh không ổn định tối thiểu 02 năm liên tục tính đến thời điểm đề nghị thu hồi.

- Không đáp ứng các điều kiện bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định của pháp luật hiện hành.

7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị định 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

- Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.

Mẫu số 01

UBND HUYỆN.....
PHÒNG NÔNG NGHIỆP.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỐ:/BC-....

....., ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO

**Báo cáo tình hình hoạt động của
Làng nghề..... xã, huyện/thị xã/TP**

Căn cứ Nghị định 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện báo cáo tình hình hoạt động của Làng nghề..... xã, cụ thể như sau:

1. Thông tin chung về Làng nghề.....

- Quyết định công nhận Làng nghề...
- Tóm tắt tình hình hoạt động 02 năm gần nhất
- Số lượng hộ làm nghề hiện nay:.....
- Điều kiện bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Tình hình hoạt động và Phát triển của Làng nghề

- Thực trạng
- Khó khăn:.....

3. Đề xuất, Kiến nghị

Trên đây là báo cáo.....

Nơi nhận:

-;
-;
- Lưu: VT,

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TTr-UBND

....., ngày tháng năm 20....

TỜ TRÌNH
Về việc thu hồi Quyết định công nhận làng nghề

Kính gửi:

- UBND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Báo cáo số..... ngày.... tháng ... năm 2024 của Phòng nông nghiệp về báo cáo tình hình hoạt động của Làng nghề;

Ủy ban nhân dân huyện..... đề nghị như sau:

I. Tóm tắt tình hình hoạt động kinh doanh của Làng nghề

- Quyết định công nhận Làng nghề...
- Tóm tắt tình hình hoạt động 02 năm gần nhất
- Số lượng hộ làm nghề hiện nay:.....
- Điều kiện bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định của pháp luật hiện hành.

II. Thực trạng

III. Kiến nghị, đề xuất

Hiện nay tình hình hoạt động của.....; Căn cứ tiêu chí quy định tại khoản.....Điều 5, Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ “.....” không đạt theo tiêu chí quy định.

UBND huyện.....kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định thu hồi bằng công nhận “.....” theo quy định.

Trên đây là tờ trình về việc thu hồi.....của Ủy ban nhân dân huyện...../.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Kinh tế huyện;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

8. Tên thủ tục hành chính: Thu hồi bằng công nhận Làng nghề truyền thống

8.1 Trình tự thực hiện

- **Bước 1:** UBND huyện, thị xã, thành phố tổng hợp danh sách và có văn bản đề nghị thu hồi bằng công nhận “Làng nghề truyền thống”, kèm theo hồ sơ gửi về UBND tỉnh thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Phát triển nông thôn) tiếp nhận hồ sơ đề nghị thu hồi từ cấp huyện; kiểm tra thể thức, thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ (nếu cần).

- **Bước 2:** Đoàn công tác kiểm tra liên ngành đi kiểm tra thực tế tại địa phương có “Làng nghề truyền thống” và đánh giá thực trạng trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ của UBND cấp huyện (Đoàn công tác kiểm tra liên ngành do Sở Nông nghiệp và Môi trường thành lập).

- **Bước 3:** Sở Nông nghiệp và Môi trường căn cứ biên bản làm việc tại địa phương có “Làng nghề truyền thống” và đối chiếu với các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP của Chính phủ, xây dựng Tờ trình đề nghị thu hồi và dự thảo Quyết định thu hồi bằng công nhận “Làng nghề truyền thống” trình UBND tỉnh trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày đoàn kiểm tra liên ngành đi kiểm tra.

- **Bước 4:** Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh ban hành Quyết định thu hồi bằng công nhận danh hiệu “Làng nghề truyền thống”.

8.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Do UBND cấp huyện chuẩn bị, bao gồm:

a) Thành phần hồ sơ:

- Báo cáo tình hình hoạt động của Làng nghề truyền thống đề nghị thu hồi của phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện, thị xã, thành phố (bản chính, theo Mẫu số 01);

- Tờ trình đề nghị thu hồi của UBND huyện, thị xã, thành phố (bản chính, theo Mẫu số 02).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

8.4. Thời hạn giải quyết: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện.

8.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

8.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định về việc thu hồi bằng công nhận danh hiệu “Làng nghề truyền thống”.

8.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Báo cáo tình hình hoạt động của Làng nghề đề nghị thu hồi của phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện, thị xã, thành phố (bản chính, theo Mẫu số 01);

- Tờ trình đề nghị thu hồi của UBND quận, huyện, thị xã (bản chính, theo Mẫu số 02);

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Làng nghề truyền thống không đạt tiêu chí theo khoản 4 Điều 5 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP của Chính phủ:

+ Không đạt tiêu chí làng nghề quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP của Chính phủ;

+ Không có nghề truyền thống theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị định 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

- Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.

Mẫu số 01

UBND HUYỆN.....
PHÒNG NÔNG NGHIỆP.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC-....

....., ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO

Báo cáo tình hình hoạt động của
Làng nghề truyền thống..... xã, huyện/thị xã/TP

Căn cứ Nghị định 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện báo cáo tình hình hoạt động của Làng nghề truyền thống..... xã , cụ thể như sau:

1. Thông tin chung về Làng nghề truyền thống.....

- Quyết định công nhận Làng nghề truyền thống ...
- Tóm tắt tình hình hoạt động 02 năm gần nhất
- Số lượng hộ làm nghề hiện nay:.....
- Điều kiện bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Nghề tạo ra những sản phẩm mang bản sắc văn hóa dân tộc:
- Nghề gắn với tên tuổi của một hay nhiều nghệ nhân hoặc tên tuổi của làng nghề truyền thống:
- Hiện trạng phát triển tính đến thời điểm hiện tại:

2. Tình hình hoạt động và Phát triển của Làng nghề truyền thống.....

- Thực trạng
- Khó khăn:.....

3. Đề xuất, Kiến nghị

Trên đây là báo cáo.....

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/TTr-UBND

....., ngày tháng năm 20.....

TỜ TRÌNH
Về việc thu hồi Quyết định công nhận làng nghề truyền thống

Kính gửi:

- UBND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Báo cáo số..... ngày.... tháng ... năm 2024 của Phòng nông nghiệp về báo cáo tình hình hoạt động của Làng nghề truyền thống....

Ủy ban nhân dân huyện..... đề nghị như sau:

I. Tóm tắt tình hình hoạt động kinh doanh của làng nghề truyền thống.....

- Quyết định công nhận Làng nghề truyền thống...
- Tóm tắt tình hình hoạt động 02 năm gần nhất:
- Số lượng hộ làm nghề hiện nay:.....
- Điều kiện bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Nghề tạo ra những sản phẩm mang bản sắc văn hóa dân tộc:
 - Nghề gắn với tên tuổi của một hay nhiều nghệ nhân hoặc tên tuổi của làng nghề truyền thống:
 - Hiện trạng phát triển tính đến thời điểm hiện tại:

II. Thực trạng

III. Kiến nghị, đề xuất

Hiện nay tình hình hoạt động của.....; Căn cứ tiêu chí quy định tại khoản.....Điều 5, Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ “.....” không đạt theo tiêu chí quy định

UBND huyện.....kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định thu hồi bằng công nhận “.....” theo quy định

Trên đây là tờ trình về việc thu hồi.....của Ủy ban nhân dân huyện...../.

Nơi nhận:

-
-
-

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP HUYỆN

1. Quyết định việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn vượt quá khả năng của cấp xã

1.1. Trình tự thực hiện

- **Bước 1:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp huyện việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn

- **Bước 2:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn vượt quá khả năng của địa phương

1.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

1.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

1.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Thú y năm 2015.

2. Công bố dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra trong phạm vi huyện

2.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp huyện đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện công bố dịch bệnh động vật

- Bước 2: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện công bố dịch khi có đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Thú y.

2.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

2.3. Thành phần, Số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị công bố dịch bệnh động vật của Cơ quan chuyên ngành thú y cấp huyện;

- Văn bản chấp thuận công bố dịch của Cơ quan chuyên ngành thú y cấp tỉnh;

- Có kết luận chẩn đoán xác định là bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch hoặc tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới của cơ quan có thẩm quyền chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật.

b) Số lượng hồ sơ: Không quy định.

2.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp huyện.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Người có thẩm quyền quyết định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công bố dịch bệnh động vật trên cạn

2.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Công bố dịch bệnh động vật trên cạn khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có ổ dịch bệnh động vật thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch xảy ra và có chiều hướng lây lan nhanh trên diện rộng hoặc phát hiện có tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới;

- Có kết luận chẩn đoán xác định là bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch hoặc tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới của cơ quan có thẩm quyền chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Thú y năm 2015;

- Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn; Thông tư số 24/2019/TT-BNNPTNT và Thông tư số 09/2021/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT.

3. Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra trong phạm vi huyện

3.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp huyện đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện công bố hết dịch bệnh động vật
- Bước 2: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện công bố hết dịch khi có đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Thú y.

3.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

3.3. Thành phần, Số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị công bố hết dịch bệnh động vật của Cơ quan quản lý chuyên ngành Thú y cấp huyện;
- Văn bản chấp thuận công bố hết dịch của Cơ quan quản lý chuyên ngành Thú y cấp tỉnh;
- Biên bản thẩm định điều kiện công bố hết dịch của Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp huyện.

b) Số lượng hồ sơ: Không quy định.

3.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp huyện.

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Người có thẩm quyền quyết định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn.

3.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Việc công bố hết dịch bệnh động vật bao gồm các điều kiện sau đây:

- Trong thời gian 21 ngày kể từ ngày con vật mắc bệnh cuối cùng bị chết, bị tiêu hủy, giết mổ bắt buộc hoặc lành bệnh mà không có con vật nào bị mắc bệnh hoặc chết vì dịch bệnh động vật đã công bố;
- Đã phòng bệnh bằng vắc-xin cho động vật miễn cảm với bệnh dịch được công bố đạt tỷ lệ trên 90% số động vật trong diện tiêm trong vùng có dịch và trên 80% số động vật trong diện tiêm trong vùng bị dịch uy hiếp hoặc đã áp dụng biện pháp phòng bệnh bắt buộc khác cho động vật miễn cảm với bệnh trong vùng có dịch, vùng bị dịch uy hiếp theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y;

- Thực hiện tổng vệ sinh, khử trùng tiêu độc trong khoảng thời gian quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT đối với vùng có dịch, vùng bị dịch uy hiếp theo hướng dẫn tại mục 5 của Phụ lục 08 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT, bảo đảm đạt yêu cầu vệ sinh thú y;

- Có văn bản đề nghị công bố hết dịch bệnh động vật của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương và văn bản chấp thuận công bố hết dịch gửi kèm theo biên bản thẩm định điều kiện công bố hết dịch của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp trên.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Thú y năm 2015;

- Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP XÃ

1. Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn xã

1.1. Trình tự thực hiện

Căn cứ Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt và nhu cầu chuyển đổi của người sử dụng đất trồng lúa; Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Kế hoạch chuyển đổi trên địa bàn xã trước ngày 30/12 năm trước của năm kế hoạch theo mẫu Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ về quy định chi tiết về đất trồng lúa.

1.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

1.3. Thành phần, Số lượng hồ sơ: Không quy định.

1.4. Thời hạn giải quyết: trước ngày 30/12 năm trước của năm kế hoạch.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa theo mẫu Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ về quy định chi tiết về đất trồng lúa.

1.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết về đất trồng lúa.

Phụ lục III
MẪU KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG,
VẬT NUÔI TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA CẤP XÃ
(Kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ)

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số .../KH ...

....., ngày ... tháng ... năm ...

KẾ HOẠCH
CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA
NĂM ...

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm... của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ...tháng năm ... của Ủy ban nhân dân huyện/thành phố/thị xã ...về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm ...

Căn cứ vào nhu cầu của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã/phường/thị trấn;

Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm, trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa năm như sau:

STT	Loại cây trồng/ thủy sản chuyển đổi	Diện tích đất lúa được chuyển đổi (ha)				Thời gian chuyển đổi	Số thửa	Tờ bản đồ số
		Tổng diện tích	Đất chuyên lúa	Đất trồng lúa còn lại				
				Đất lúa 01 vụ	Đất lúa nương			
I	Trồng cây hàng năm							
	...							
II	Trồng cây lâu năm							
	...							
III	Trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản							
	...							